

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày: 23/02/2021
Vụ: tranh chấp “*hợp đồng
mua bán*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Bà Phan Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2021/QĐST-DS ngày 29/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Phúc H, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp N.H, xã N.M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn B (B1), sinh năm 1990; địa chỉ: ấp M.B, xã N.M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn Mai Phúc H trình bày:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2020, ông Mai Phúc H là chủ cửa hàng bán vật liệu xây dựng, vào các ngày 16 và 24/9/2019 ông Lê Văn B (B1) có đến cửa hàng của ông H mua vật tư 02 lần còn nợ ông số tiền 8.240.000 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), ông H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông B không đồng ý trả

nợ. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu ông B phải trả ông số tiền 8.240.000 đồng và đồng thời yêu cầu tính lãi theo lãi suất của Ngân hàng theo quy định từ 14/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: 02 hóa đơn bán lẻ, biên bản hòa giải tại ban nhân dân ấp Mỹ Bình (bản photo) và tờ tự khai.

Đến ngày 25/01/2021, ông Mai Phúc H có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông B (B1) trả cho ông số tiền 8.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Sau khi Tòa án thụ lý, tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập, bị đơn Lê Văn B (B1) đều vắng mặt tại các phiên hòa giải nên tòa án không thể ghi nhận ý kiến; không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu ông Bửu (Bửu) trả cho ông số tiền 8.000.000 đồng, xác định không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Bị đơn Lê Văn B (B1) vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Lê Văn B (B1) tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 14/9/2019, ông Lê Văn B (B1) đến cửa hàng vật liệu xây dựng của ông Mai Phúc H mua vật liệu xây dựng với số tiền 7.570.000 đồng, sau đó ông B mua thêm vật liệu xây dựng với số tiền 670.000 đồng. Nay, ông H rút lại một phần yêu cầu, chỉ còn yêu cầu ông B trả cho ông số tiền 8.000.000 đồng theo nội dung biên bản hòa giải mà ông B đã thừa nhận và không yêu cầu tính lãi. Ông B vắng mặt tuy nhiên căn cứ vào biên bản hòa giải tại tổ hòa giải ấp M.B, xã N.M thể hiện rõ khi các bên phát sinh tranh chấp có đến tổ hòa giải ấp M.B, xã N.M để hòa giải. Tại biên bản hòa giải, bị đơn thừa nhận mua hàng hóa và còn nợ nguyên đơn số tiền 8.000.000 đồng. Hợp đồng mua bán giữa ông H và ông B được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền 240.000 đồng và lãi suất theo quy định, tại phiên tòa ông H tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ theo quy định.

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Phúc H.

Buộc ông Lê Văn B (B1) có nghĩa vụ trả cho ông Mai Phúc H số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu).

Đình chỉ yêu cầu của ông Mai Phúc H với yêu cầu ông B trả số tiền 240.000 đồng và tính lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: theo đơn khởi kiện ông Mai Phúc H khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ, với số tiền 8.240.000 đồng, được xác định là tranh chấp “*hợp đồng mua bán*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Mai Phúc H khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn B (B1) trả tiền mua hàng còn nợ. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã N.M, huyện Chợ Mới. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn Lê Văn B (B1) tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn việc tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung, căn cứ xác lập, thực hiện hợp đồng:

Căn cứ vào 02 hóa đơn bán lẻ tại Cửa hàng VLXD & TTNT Phúc Hậu vào các ngày 16/9/2019 và 24/9/2019 tại mục người viết hóa đơn “H” và người mua hàng “B” thể hiện 02 lần ông H có bán vật liệu xây dựng cho ông B với tổng số tiền 8.240.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải (không ghi rõ ngày, tháng, năm) tại Văn phòng ấp M.B, xã N.M thể hiện việc bị đơn Lê Văn B thừa nhận có mua hàng và còn nợ ông H với số tiền 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại biên bản xác minh tại Ban ấp M.B vào ngày 19/12/2020, được trưởng ấp M.B cung cấp khi phát sinh tranh chấp các bên có đến tổ hòa giải ấp tiến hành hòa giải, khi hòa giải ông B thừa nhận còn nợ tiền ông H, được ghi vào biên bản, các bên cùng ký tên.

Ngày 25/01/2021, ông Mai Phúc H có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông B phải trả cho ông số tiền 8.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Lê Văn B, đều vắng mặt tại các phiên hòa giải nên không thể ghi nhận ý kiến. Tòa án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định việc bị đơn Lê Văn B có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng do ông Mai Phúc H làm chủ, còn nợ số tiền 8.240.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Ông Mai Phúc H rút lại một phần yêu cầu so với ban đầu, cụ thể chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 8.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Việc ông H rút lại không yêu cầu ông B trả số tiền 240.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử, xác định đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không vi phạm điều cấm, không trái quy định pháp luật nên thống nhất đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Mai Phúc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Lê Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Phúc H.

Buộc ông Lê Văn B (B1) có nghĩa vụ trả cho ông Mai Phúc H số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu).

Đình chỉ đối với phần ông Mai Phúc H rút yêu cầu ông Lê Văn B (B1) trả số tiền 240.000 đồng và tính lãi suất theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn B (B1) phải chịu 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Mai Phúc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai thu số 0009039 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ông Mai Phúc H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng, bị đơn Lê Văn B (B1) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong